

Gò Vấp, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Số: 291/.../KH-THCLTT

KẾ HOẠCH

Thu, chi học phí, các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2024-2025

Thực hiện Công văn số 5828/UBND-TCKH-GDDT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2024-2025; Trường THCS Lý Tự Trọng xây dựng kế hoạch thu, chi học phí các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập với các nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu:

- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Nghị định số 97/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công

lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 - 2025 (Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 5307/SGDĐT-KHTC Ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ 5825/SGDĐT-KHTC ngày 16 tháng 9 năm 2024 về tổ chức thực hiện các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho nhu cầu của học sinh, giáo viên tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố

1. Mục đích:

- Nhằm thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu của nhà trường, thực hiện kiểm soát, giám sát của cơ quan quản lý cấp trên, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Đảm bảo việc dạy và học của nhà trường đạt tiêu chí của ngành cũng như nhu cầu của cha mẹ học sinh.

2. Yêu cầu:

- Đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế. Các khoản thu năm học 2024-2025: thực hiện đúng theo công văn số 5307/SGDĐT-KHTC Ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 5828/UBND-TCKH-GDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2024-2025.

- Thực hiện công khai minh bạch, dân chủ.

II. Nội dung kế hoạch:

1. Về mức thu và hướng dẫn sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập

Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo, các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng mức thu học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa

bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

Trung học cơ sở: 60.000 đồng/ học sinh/ tháng

2. Về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác

Theo Công văn số 5828/UBND-TCKH-GDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2024, Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cho phép các trường THCS trên địa bàn quận Gò Vấp được thỏa thuận với cha mẹ học sinh thu các khoản thu sự nghiệp như sau:

2.1 Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND

- Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú Đối với trường tự tổ chức nấu ăn cho HS: 224.000 đồng/học sinh/tháng

- Dịch vụ khám sức khỏe HS ban đầu (bao gồm khám nha học đường): 50.000 đồng/học sinh/năm

- Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh (nếu có) : 35.000 đồng/học sinh/tháng

- Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 110.000 (đồng/học sinh/tháng)

2.2 Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác (Phụ lục 2)

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày: 172.000 đồng/học sinh/tháng.

- Tiếng anh tăng cường: 69.000 đồng/học sinh/tháng.

- Anh văn với giáo viên bản ngữ: 207.000 đồng/học sinh/8 tiết/tháng.

- Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống: 80.000 đồng/học sinh/4 tiết/tháng

- Tiền tổ chức giáo dục Stem: 180.000 đồng/học sinh/4 tiết/tháng

- Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và khoa học: 800.000 đồng/ học sinh/8 tiết/tháng

2.3 Các khoản thu phục vụ hoạt động giáo dục thực hiện các đề án:

- Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”: 3.600.000 đồng/học sinh/8 tiết/tháng

- Tiền tổ chức các lớp học đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông theo định hướng chuẩn quốc tế, giao đoạn 2021-2023: 180.000 đồng/học sinh/8 tiết/tháng

2.4. Các khoản thu cho cá nhân học sinh

- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: 172.000 đồng/học sinh/năm
- Tiền mua sắm đồng phục học sinh: 340.000 đồng/học sinh/bộ
- Học phẩm :50.000 đồng/học sinh/năm
- Tiền suất ăn trưa bán trú :34.000 đồng/học sinh/ngày
- Tiền nước uống :13.000 đồng/học sinh/tháng
- Tiền trông giữ xe học sinh :2.000 đồng/xe/lượt

Để tổ chức Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND; Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác; Các khoản thu phục vụ hoạt động giáo dục thực hiện các đề án, và các khoản thu cá nhân học sinh và căn cứ Công văn số 5828/UBND-TCKH-GDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Trường THCS Lý Tự Trọng xây dựng kế hoạch chi và đề xuất mức thu như sau:

2.1 Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND

2.1.1- Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (đồng/HS/tháng) Đối với trường tự tổ chức nấu ăn cho HS :

Năm học 2024-2025 có 1590 học sinh đăng ký tham gia bán trú.

Để tổ chức bán trú cho số học sinh trên, nhà trường xây dựng kế hoạch chi như sau:

Nộp thuế theo quy định 2% TNDN: 6.924.000đồng

a) Chi con người:

a1) Chi cho đối tượng trực tiếp:

Chi 11 Nhân viên hợp đồng công tác PVB.T (1 giám thị bao gồm tiền lương, các khoản đóng góp BHXH, YT, TN theo lương tối thiểu vùng 4.960.000; 9 NV HĐ phục vụ công tác bán trú phục vụ bếp bán trú (bao gồm tiền lương, các khoản đóng góp BHXH, YT, TN theo mức lương tối thiểu vùng 4.960.000đ và 1 bếp trưởng lương 5.307.200): 67.810.392 đồng

Tổng chi đối tượng trực tiếp:					258.840.392	
Chi lương, các khoản đóng góp 11 HĐ trường:					67.810.392	(1 bếp trưởng, 6 phụ bếp, 1 giám thị, 3 nvpv)
Số còn lại phân phối cho đối tượng trực tiếp PVBT:					191.030.000	
Tổng hệ số chi:					86	
Mức chi hệ số 1:					2.221.280	
				Đvt: Đồng		
STT	Đối tượng	Hệ số	Số người	Tổng hệ số	Số tiền	Thu nhập 1 người/tháng
1	Giáo viên PVBT	1,396	33	46,05	102.300.000	3.100.000
2	NV PVBT Bếp trưởng	2,228	1	2,23	4.950.000	4.950.000
3	NVPVBT phụ bếp	1,387	6	8,32	18.480.000	3.080.000
4	NV PVBT hỗ trợ phụ bếp, vệ sinh C Phụng(NT)	1,576	1	1,58	3.500.000	3.500.000
4	NV PVBT hỗ trợ phụ bếp, vệ sinh Lê, Thúy, Xuyên	1,396	3	4,19	9.300.000	3.100.000
	Bảo vệ trực mở cổng tiếp phẩm	0,990	3	2,97	6.600.000	2.200.000
5	Giám thị thầy Trung	0,900	1	0,90	2.000.000	2.000.000
6	Giám thị kiêm nhiệm cô Huyền	2,926	1	2,93	6.500.000	6.500.000
7	Giám thị kiêm nhiệm thầy Hiền	2,881	1	2,88	6.400.000	6.400.000
11	Tổng phụ trách	1,756	1	1,76	3.900.000	3.900.000
9	Y tế -tiếp phẩm	1,801	1	1,80	4.000.000	4.000.000
12	Học vụ anh Hà kiểm sửa chữa điện nước	1,936	1	1,94	4.300.000	4.300.000
13	CNTT Oanh TT-TKHD	1,846	1	1,85	4.100.000	4.100.000
14	Văn thư	1,508	1	1,51	3.350.000	3.350.000
15	GV hỗ trợ ổn định nề nếp hs	0,248	12	2,97	6.600.000	550.000
16	GV hỗ trợ ổn định nề nếp hs	0,113	19	2,14	4.750.000	250.000
Tổng cộng		24,887	86,00	86,00	191.030.000	

(chiếm 82.22% dự toán chi tổ chức phục vụ bán trú đồng)

a2) Chi cho công tác quản lý tổ chức phục vụ bán trú:

Tổng chi đối tượng gián tiếp:				35.900.000		
Tổng hệ số chi:				5,00		
Mức chi hệ số 1:				7.180.000		
				Đvt: Đồng		
STT	Đối tượng	Hệ số	Số người	Tổng hệ số	Số tiền	Thu nhập 1 người/tháng
1	Hiệu trưởng	1,09	1	1,093	7.850.000	7.850.000
2	Phó Hiệu trưởng	1,04	2	2,089	15.000.000	7.500.000
3	Kế toán	1,00	1	1,003	7.200.000	7.200.000
4	Thủ quỹ	0,81	1	0,815	5.850.000	5.850.000
Tổng cộng		3,955	5	5,00	35.900.000	28.400.000

(chiếm 11.403% dự toán chi tổ chức phục vụ bán trú 35.900.000 đồng)

Tổng chi con người (a1+a2): **294.740.393 đồng.**

b) Số còn lại bù đắp một phần tiền điện, nước, văn phòng phẩm, sửa chữa máy tính, nạp mực máy in, nước uống, phí chuyển khoản, xét nghiệm nước, in sổ bán trú, đồ bảo hộ cho nhân viên phục vụ, chi phí các hoạt động khác... của nhà trường để

phục vụ bán trú, đóng thuế theo quy định: **13.147.207 đồng** (chiếm 4.38% dự toán chi tổ chức phục vụ bán trú).

Vệ sinh phí bán trú:

Để phục vụ học sinh bán trú, nhà trường xây dựng kế hoạch chi vệ sinh bán trú như sau:

- Mua các vật dụng làm vệ sinh (nước rửa chén, giấy vệ sinh, xà bông, thuốc tẩy, thuốc xả nhà vệ sinh, bao rác, găng tay rửa chén, nước xả, khăn mặt, bàn chải, kem đánh răng, chổi quét lớp, phun thuốc diệt muỗi, diệt côn trùng, thuốc xịt muỗi, nước xả vải, thùng rác...; nạo vét, thông cầu cống, thuê chở chất thải, đổ rác...; hỗ trợ mua vật tư sửa chữa nhà vệ sinh...): **31.800.000 đồng**.

Tổng dự toán chi: **346.620.000 đồng/tháng**.

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền phục vụ . quản lý và vệ sinh bán trú: **218.000 đồng/học sinh/tháng** (= 346.620.000/1590 học sinh).

2.1.2 Dịch vụ khám sức khỏe HS ban đầu (bao gồm khám nha học đường): 21.000 đồng/học sinh/năm

Nộp thuế theo quy định 2%TNDN, 2%GTGT

Chi trả hết cho trung tâm y tế khám sức khỏe cho học sinh

2.1.3- Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh): 25.000 - 35.000 đồng/học sinh/tháng

- Đóng thuế theo quy định 2%TNDN, 2%GTGT, chi trả tiền điện các lớp sử dụng máy lạnh và phí bảo trì hàng tháng đối với các lớp bán trú 35.000 đồng/ học sinh/ tháng, đối với các lớp học 2 buổi/ngày : 25.000.000 đồng/ học sinh/ tháng

2.1.4- Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 27.000 (đồng/học sinh/tháng)

Nộp thuế theo quy định 2%TNDN, 2%GTGT

Sổ liên lạc điện tử, ứng dụng quản lý, điều hành thông tin giữa gia đình và nhà trường, các ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến:

+ Sổ liên lạc điện tử: 15.000 đồng/ hs/ tháng

+ Phần mềm học trực tuyến: 12.000 đồng/ hs/ tháng

Chi trả hết cho công ty,

2.2 Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác (Phụ lục 2)

2.2.1- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày..

Dự kiến có khoảng 2.100 học sinh đăng kí tham gia học 2 buổi/ngày

Để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, nhà trường xây dựng kế hoạch giảng dạy các môn chính và học năng khiếu so với số lớp học, kế hoạch chi như sau:

+ Môn chính: 45 lớp học - 1.369 tiết

+ Năng khiếu: 36 lớp học - 149 tiết

* Dự toán chi:

Nộp thuế theo quy định 2% TNDN

a1) Chi cho đối tượng trực tiếp: Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy buổi 2 đối với các môn Văn-Toán-Anh- Lý- Hóa- KHTN với mức chi 148.000 đồng/tiết; đối với các môn năng khiếu 116.000 đồng/ tiết (*chiếm 60.9% dự toán số tiền 219.964.118đ*)

a2) Chi cho đối tượng gián tiếp:

Tổng chi đối tượng gián tiếp:					119.600.002	
Tổng hệ số chi:					65,00	
Mức chi hệ số 1:					1.840.000	
STT	Đối tượng	Hệ số	Số người	Tổng hệ số	Số tiền	Thu nhập 1 người/tháng
1	GVCN	0,543	45	24,457	45.000.001	1.000.000
2	Giám thị Hiền	1,413	1	1,413	2.600.000	2.600.000
3	Giám thị Trung	1,413	1	1,413	2.600.000	2.600.000
4	NV Thư viện	1,630	1	1,630	3.000.000	3.000.000
5	NV Học vụ	1,522	1	1,522	2.800.000	2.800.000
6	NV Vi tính TT	1,630	1	1,630	3.000.000	3.000.000
7	NV Văn thư	1,413	1	1,413	2.600.000	2.600.000
8	Tổng phụ trách kiêm giám thị	1,522	1	1,522	2.800.000	2.800.000
9	Y tế	1,359	1	1,359	2.500.000	2.500.000
10	NVPV C Phụng, nhóm trưởng	0,897	1	0,897	1.650.000	1.650.000
11	NVPV C Thúy, C Lệ, C Xuyên	0,598	3	1,793	3.300.000	1.100.000
12	Bảo vệ	1,277	3	3,832	7.050.000	2.350.000
13	Hiệu trưởng	5,272	1	5,272	9.700.000	9.700.000
14	Phó Hiệu trưởng	5,054	2	10,109	18.600.000	9.300.000
15	Kế toán	3,750	1	3,750	6.900.000	6.900.000
16	Thủ quỹ	2,9891	1	2,989	5.500.000	5.500.000
Tổng cộng		32,283	65,000	65,000	119.600.002	59.400.001

(*chiếm 33.11% tổng dự toán chi tổ chức học 2 buổi/ngày là 119.600.000đ*).

Tổng chi con người (a1+a2): **339.564.120 đồng**.

b) Số còn lại bù đắp một phần tiền điện, nước, văn phòng phẩm, phí chuyển khoản, nước uống, sửa chữa phòng học, cơ sở vật chất, máy tính, máy in, photo, chi phí các hoạt động khác, ... của nhà trường để tổ chức học 2 buổi/ngày: **14.411.880 đồng** (chiếm 3.99% tổng dự toán chi tổ chức học 2 buổi/ngày).

Như vậy, tổng dự toán chi (a+b): **361.200.000 đồng/tháng**.

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền tổ chức học 2 buổi/ngày: **172.000 đồng/học sinh/tháng** (=361.200.000 đồng/2.100 học sinh).

2.2.2. Tiếng Anh tăng cường:

Dự kiến năm học 2024-2025 có khoảng 770 học sinh đăng ký học tiếng Anh tăng cường.

Để dạy tiếng Anh tăng cường, nhà trường xây dựng kế hoạch giảng dạy và nhiệm vụ chi như sau:

* Số tiết dạy: 3 tiết/tuần cho các Khối 7 (7/2-7/7), Khối 8 (8/4-8/8), Khối 9 (9/1-9/5) : ~ 201.6 tiết

* Dự toán chi:

Nộp thuế theo quy định 2% TNDN: 746.200 đồng

a) Chi con người:

- Giáo viên trực tiếp giảng dạy (mức chi 135.000 đồng/tiết): căn cứ số tiết dạy trên thì dự toán kinh phí chi giáo viên trực tiếp giảng dạy là **27.216.847 đồng** (chiếm ~73.3% tổng dự toán chi dạy học tiếng Anh tăng cường).

- Cán bộ quản lý, bộ phận thu, chi và đối tượng liên quan học tiếng Anh tăng cường:

Tổng chi đối tượng gián tiếp:			7.871.003			
Tổng hệ số chi:			14,00			
Mức chi hệ số 1:			562.215			
			Đvt: Đồng			
STT	Đối tượng	Hệ số	Số người	Tổng hệ số	Số tiền	Thu nhập 1 người/tháng
1	Hiệu trưởng	1,779	1	1,78	1.000.000	1.000.000
2	Phó Hiệu trưởng	1,601	2	3,20	1.800.001	900.000
3	Kế toán	1,423	1	1,42	800.000	800.000
4	Thủ quỹ	1,193	1	1,19	671.000	671.000
5	Văn thư, CNTT, Học vụ , Y tế	0,711	4	2,85	1.600.001	400.000
6	NV Bảo vệ	0,711	3	2,13	1.200.000	400.000
7	Giám thị	0,711	2	1,42	800.000	400.000
Tổng cộng		8.130	14.0000	14.0000	7.871.003	4.171.002

(chiếm ~ 21.2% tổng dự toán là 7.871.000 đồng)

Tổng chi con người: ~ **46.706.583 đồng**.

b) Bù đắp một phần tiền điện, nước, văn phòng phẩm, chi phí các hoạt động khác...và đóng thuế TNDN 2% theo quy định 742.600 của nhà trường để phục vụ dạy tiếng anh tăng cường: **1.299.550 đồng** (*chiếm ~ 3.5% tổng dự toán chi dạy học tiếng Anh tăng cường*).

Như vậy, tổng dự toán chi dạy học tiếng anh tăng cường (a+b): **37.130.000 đồng/tháng**

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền anh văn tăng cường: **47.000 đồng/học sinh/tháng** (=37.130.000 đồng/790 học sinh).

2.2.3 Tiếng Anh với giáo viên bản ngữ:

Dự kiến có khoảng 1.650 học sinh đăng kí tham gia học Anh văn giao tiếp

- 1.650 học sinh học 8 tiết/tháng : 35 lớp*8 tiết/tháng = 280tiết/tháng

Để dạy tiếng Anh với giáo viên bản ngữ, nhà trường xây dựng kế hoạch chi như sau:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% doanh thu) ~6.270.000

- Nộp thuế môn bài (1.000.000 đồng/năm):

- Thanh toán cho trung tâm (theo số tiết dạy thực tế với mức 800.000 đồng/tiết)*280 tiết: =224.000.000 đồng ~ 71.45%

- Chi GVCN có nhiệm vụ trao đổi tình hình học tiếng anh với giáo viên bản ngữ đến PHHS (13.000đồng/học sinh đối với lớp học 2 tiết/tuần*1.650): 21.450.000 đồng ~ 6.84%

- Chi hỗ trợ CBQL và các bộ phận liên quan tham gia vào môn học tiếng Anh với người bản ngữ: 25.000.000 ~ 7.97%

Tổng chi đối tượng gián tiếp:					25.000.000	
Tổng hệ số chi:					18	
Mức chi hệ số 1:					1.388.889	
					Đvt: Đồng	
STT	Đối tượng	Hệ số	Số người	Tổng hệ số	Số tiền	Thu nhập 1 người/tháng
1	Hiệu trưởng	3,10	1	3,096	4.300.000	4.300.000
2	Phó Hiệu trưởng	2,95	2	5,904	8.200.000	4.100.000
3	Kế toán	2,45	1	2,448	3.400.000	3.400.000
4	Thủ quỹ	2,16	1	2,160	3.000.000	3.000.000
	NVVP:					
4	VT,HV,CNTT, Y Tế	0,43	4	1,728	2.400.000	600.000
5	NVPV	0,22	4	0,864	1.200.000	300.000
5	NVBV	0,36	3	1,080	1.500.000	500.000
6	Giám Thị	0,36	2	0,720	1.000.000	500.000
Tổng cộng		12,02	18,00	18,00	25.000.000	16.700.000

- Số còn lại bù đắp điện, nước, văn phòng phẩm, phục vụ hoạt động giảng dạy...36.780.000 đồng ~ 11.74%

Tổng dự toán chi: **313.500.000 đồng/tháng.**

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền học tiếng Anh với giáo viên nước ngoài:

- **Lớp học 8 tiết/tháng: 190.000 đồng/học sinh/tháng** (313.500.000 đ/tháng/1650 học sinh)

2.2.4 Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống:

Dự kiến có khoảng 2.000 học sinh đăng kí tham gia học kỹ năng sống: 2.000 học sinh* 4 tiết/học sinh/tháng

Để tổ chức dạy kỹ năng sống, nhà trường xây dựng kế hoạch chi như sau:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% doanh thu): 3.200.000 đồng

- Thanh toán cho trung tâm (theo số tiết dạy thực tế với mức 70.400 đồng/học sinh/4tiết/ tháng)*2.000 =140.800.000 đồng. (88%)

- Chi GVCN có nhiệm vụ trao đổi tình hình học kỹ năng sống đến PHHS (4.000đồng/học sinh *2.000 học sinh), Chi hỗ trợ CBQL và các bộ phận liên quan tham gia trực tiếp vào môn học kỹ năng sống: (7%)

Chức vụ	số lượng	Số tiền/người	Thành tiền
45 GVCN (45 lớp/2.000 hs*4.000đ/hs)	45 GVCN	4.000đ/hs*45hs/GVCN=180.000	8.000.000
Hiệu trưởng	1	800.000	800.000
Phó Hiệu trưởng	2	800.000	800.000
Kế toán	1	800.000	800.000
Thủ quỹ	1	800.000	800.000
TC			11.200.000

- Số còn lại bù đắp điện, nước, văn phòng phẩm, phục vụ hoạt động giảng dạy...3.800.000 đồng (3%)

Tổng dự toán chi: **160.000.000đồng/tháng**

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền học kỹ năng sống: **80.000 đồng/học sinh** (160.000.000 đồng/2.000 học sinh)

2.2.5 Tiền tổ chức giáo dục Stem:

Dự kiến có khoảng 1.116 học sinh đăng kí tham gia học Stem: 1.116 học sinh* 4 tiết/học sinh/tháng

Để tổ chức dạy học Stem, nhà trường xây dựng kế hoạch chi như sau:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% doanh thu): 2.008.800 đồng
- Thanh toán cho trung tâm (theo số tiết dạy thực tế với mức 80.000 đồng/học sinh/4tiết/ tháng)*1.116 =89.280.000 đồng ~ 88.89%

- Chi GVCN có nhiệm vụ trao đổi tình hình học kỹ năng sống đến PHHS (4.000đồng/học sinh *1.116 học sinh): 4.464.000đồng~ 4.44%

- Chi hỗ trợ CBQL và các bộ phận liên quan tham gián tiếp vào môn học Stem 500.000/ người : 2.500.000 đồng ~2.49%

- Số còn lại bù đắp điện, nước, văn phòng phẩm, phục vụ hoạt động giảng dạy...2.187.200 đồng ~2.18%

Tổng dự toán chi: **100.440.000đồng/tháng/**

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền học kỹ năng sống: **90.000 đồng/học sinh** (100.440.000 đồng/1.116 học sinh)

2.2.6 Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và khoa học:

Dự kiến có khoảng 390 học sinh đăng kí tham gia học chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và khoa học: 390 học sinh* 16 tiết/học sinh/tháng

Để tổ chức dạy chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và khoa học, nhà trường xây dựng kế hoạch chi như sau:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% doanh thu): 6.240.000 đồng
- Thanh toán cho trung tâm theo số tiết dạy thực tế với mức 712.000 đồng/học sinh/16tiết/ tháng)*390 học sinh =277.680.000 đồng ~ 89%

- Chi GVCN có nhiệm vụ trao đổi tình hình học chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và khoa học đến PHHS (20.000đồng/học sinh *390 học sinh), Chi hỗ trợ CBQL và các bộ phận liên quan tham gia trực tiếp vào môn học chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và khoa học ~ 5.16%

Chức vụ	Số lượng người	Số tiền	Thành tiền
GVCN (20.000đ/hs*390hs)	9	7.800.000	7.800.000
HT	1,00	1.700.000	1.700.000
PHT	2,00	1.500.000	3.000.000
KT	1,00	1.000.000	1.000.000
TQ	1,00	800.000	800.000
NVVP	4,00	300.000	1.200.000
NVBV	3,00	200.000	600.000
TC			16.100.000

- Số còn lại bù đắp điện, nước, văn phòng phẩm, phục vụ hoạt động giảng dạy... 11.980.000 đồng~3.84%

Tổng dự toán chi: **312.000.000đồng/tháng**

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền dạy chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và khoa học: **800.000 đồng/học sinh** (312.000.000 đồng/390 học sinh)

2.3 Các khoản thu phục vụ hoạt động giáo dục thực hiện các đề án:

2.3.1 Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”: 3.600.000 đồng/học sinh/8 tiết/tháng: do công ty trực tiếp thu

Dự kiến có khoảng 35 học sinh tham gia học: **các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam**

Để tổ chức dạy, nhà trường xây dựng kế hoạch chi như sau:

- Công ty trích lại 15% cho nhà trường: 18.900.000 đồng (100%)
- Nộp 5% thuế thu nhập doanh nghiệp, 5% thuế GTGT (15% do công ty trích lại: 18.900.000 đồng): 1.890.000 đồng/tháng (10%)
- Chi GVCN có nhiệm vụ trao đổi tình hình học chương trình học **Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam** đến PHHS
- Chi hỗ trợ CBQL và các bộ phận liên quan tham gia gián tiếp vào môn học **Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam:** ~ 64.02%

Chức vụ	số lượng người	Số tiền 1 người	Thành tiền
GVCN	1,00	2.500.000,00	2.500.000
Hiệu trưởng	1,00	2.000.000,00	2.000.000
Phó hiệu trưởng	2,00	1.600.000,00	3.200.000
Kế toán	1,00	1.000.000,00	1.000.000
Thủ quỹ	1,00	600.000,00	600.000
Nhân viên văn phòng: HV, VT, CNTT, Y tế	4,00	400.000,00	1.600.000
Bảo vệ	3,00	400.000,00	1.200.000
TC			12.100.000

- Số còn lại bù đắp điện, nước, văn phòng phẩm, phục vụ hoạt động giảng dạy... 4.910.000 đồng/tháng ~ 25.98%

Tổng dự toán chi: **18.900.000 đồng/tháng (15% do công ty trích lại)**

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền dạy đề án **Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam: 3.600.000 đồng/học sinh/tháng (126.000.000 đồng/35 học sinh).**

2.3.2 Lớp học đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông theo định hướng chuẩn quốc tế, giao đoạn 2021-2023: 175.000 đồng/học sinh/8 tiết/tháng

Dự kiến có khoảng 1160 học sinh tham gia học: lớp học đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông theo định hướng chuẩn quốc tế, giao đoạn 2021-2023:

Để tổ chức dạy đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học, nhà trường xây dựng kế hoạch chi như sau:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% doanh thu): 4.060.000 đồng
 - Thanh toán cho trung tâm theo số tiết dạy thực tế với mức 840.000 đồng/học sinh*205 tiết/ tháng/1160 học sinh =172.200.000 đồng (~84.83%)

- Chi GVCN có nhiệm vụ trao đổi tình hình học chương trình học đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học đến PHHS (5.000đồng/học sinh /năm*1160 học sinh): 5.800.000đồng/ tháng; Chi hỗ trợ CBQL và các bộ phận liên quan tham gia vào môn học đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học: (~7.09%)

Nhiệm vụ	số lượng	số tiền/người	Thành tiền
GVCN (5,000đ/hs*1160hs)	25	5.800.000	5.800.000
Hiệu trưởng	1	1.400.000	1.400.000
Phó hiệu trưởng	2	1.300.000	2.600.000
Kế toán	1	1.000.000	1.000.000
Thủ quỹ	1	600.000	600.000
NV Văn phòng	4	400.000	1.600.000
NV Phục vụ	4	200.000	800.000
Bảo vệ	3	200.000	600.000
TC		10.900.000	14.400.000

- Số còn lại bù đắp điện, nước, văn phòng phẩm, phục vụ hoạt động giảng dạy... 12.340.000 đồng/tháng (~6%)

Tổng dự toán chi: 203.000.000đồng/tháng

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền dạy đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học: **175.000 đồng/học sinh/tháng** (203.000.000 đồng/1160 học sinh); chưa tính lệ phí thi lấy chứng chỉ.

2.4. Các khoản thu cho cá nhân học sinh

2.4.1. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú:

Để phục vụ học sinh bán trú, nhà trường dự toán kinh phí mua sắm thiết bị vật dụng bán trú (vật dụng cá nhân và dụng cụ tổ chức bữa ăn cho học sinh, khăn mặt, bàn chải đánh răng, tủ để ly, bàn chải, kệ để dép, ghế nhựa, tủ đựng chén, đĩa...; sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ bán trú, sửa chữa nhà bếp, bảo trì thiết bị PCCC...): 228.242.000 đồng/năm học. Đóng thuế theo quy định 2% TNDN 4.658.000 đồng

Theo đó, nhà trường đề xuất mức thu tiền thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: **170.000 đồng/học sinh/năm** (= 266.900.000/1570 học sinh).

2.4.2 Tiền học phẩm: Đóng thuế theo quy định 1% TNDN, 1% GGT, chi trả hết cho công ty mua giấy kiểm tra, giấy nháp, in đề, hồ sơ cho học sinh: 50.000 đồng/ học sinh/ năm;

2.4.3 Tiền ăn học sinh bán trú: Để đảm bảo dinh dưỡng và chất lượng bữa ăn của học sinh trong thời gian học tập và nghỉ ngơi tại trường, nhà trường đề xuất mức thu: 34.000 đồng/học sinh/ngày.

Đóng thuế theo quy định 2%TNDN, Chi trả hết cho việc mua thực phẩm, gia vị, gạo gas... để nấu ăn cho học sinh bán trú. Phụ huynh cho con em nghỉ học phải có đơn xin nghỉ phép hoặc trên Enetviet (số liên lạc điện tử) trước 1 ngày và gửi về văn phòng để được hoàn trả lại tiền ăn qua tháng sau,

2.4.4 Tiền nước uống cho học sinh bán trú: 13.000 đồng/học sinh/tháng.

Đóng thuế theo quy định 1%TNDN,1%GTGT

(Chi trả hết cho nhà cung cấp nước uống phục vụ học sinh bán trú),

2.4.6 Tiền giữ xe học sinh: 1.000 đồng/xe/ lượt

Đóng thuế theo quy định 2%TNDN,2%GTGT; và phần còn lại theo quy định của cấp trên; (nếu chưa đấu thầu- đấu giá) chia đều cho nhân viên bảo vệ và giám sát

3. Bảo hiểm y tế, cho học sinh:

Mức thu BHYT theo công văn 6687/HDLS/BHXXH-GDĐT Về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên ngày 11 tháng 9 năm 2024: 884.520 đồng/học sinh/năm.

+ Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ sơ cấp cứu, xử trí ban đầu cho trẻ em, học sinh, sinh viên, các đối tượng do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quản lý khi bị tai nạn thương tích hoặc các trường hợp bệnh thông thường trong thời gian học, làm việc tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

+ Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị y tế thông thường phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tủ tài liệu quản lý hồ sơ sức khỏe tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

+ Chi mua văn phòng phẩm phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu bao gồm cả mua sổ theo dõi sức khỏe học sinh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh.

+ Chi mua nước sát khuẩn, xà phòng, khẩu trang phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh

- Tiền trích lại của BHYT học sinh hỗ trợ công tác thu tiền: Chi cho bộ phận tham gia công tác thu BHYT: Quản lý, nhân viên y tế, nhân viên văn phòng có tham gia lập danh sách thống kê, thủ quỹ, kế toán, giáo viên chủ nhiệm, ... Tùy theo tình hình thực tế Hiệu trưởng quyết định mức chi cụ thể cho từng đối tượng tham gia

4. Đối với các khoản huy động tài trợ, ủng hộ tự nguyện và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Tiếp tục thực hiện quy định tại Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2466/SGDĐT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc tiếp nhận tài trợ cho các cơ sở giáo dục và kinh phí hoạt động của

Ban đại diện cha mẹ học sinh và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

5. Về công tác hạch toán và thực hiện nghĩa vụ thuế

- Về hạch toán kế toán: Tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, thực hiện theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Về thực hiện nghĩa vụ thuế: Thực hiện kê khai, nộp thuế đối với khoản thu từ học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác theo đúng quy định của pháp luật thuế. Các cơ sở giáo dục nghiên cứu các nội dung tại Công văn số 1608/CTTPHCM-TTHT ngày 01/02/2024, Công văn số 13579/CT-TTHT ngày 19/10/2020 và Công văn số 7910/CTTPHCM-TTHT ngày 04/10/2021 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện theo quy định (*Đính kèm các Công văn*).

6. Về chế độ miễn, giảm học phí, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và hỗ trợ chi phí học tập

Tiếp tục thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non ban hành cụ thể như sau:

+ Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;

+ Công văn số 1406/SGDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo.

+ Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố: Thực hiện theo Hướng dẫn số 9801/HD-SLĐTBXH ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện và Thành phố Thủ Đức phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận danh sách đối tượng học sinh được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND để thông báo đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Thủ Đức và quận, huyện (bao gồm cả các trường trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục ngoài công lập) hỗ trợ học sinh trong thời gian hoàn tất thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ.

+ Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 23/2022/NQ- HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo

dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023: Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 2842/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 07 tháng 6 năm 2023 về triển khai quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-1 HĐND theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND.

7. Về thanh toán không dùng tiền mặt

Thực hiện theo Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục và Kế hoạch số 4066/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025;

Để đảm bảo pháp lý đúng quy định theo các văn bản hướng dẫn đã được ban hành, đồng thời có sự thay đổi trong phương thức thanh toán chuyển từ thẻ sang ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin, thông qua các dịch vụ thanh toán tiện ích của ngân hàng (thanh toán qua thiết bị di động, thanh toán qua internet, ví điện tử, dịch vụ thanh toán hóa đơn,...) cho phép người dùng có thể truy cập các ứng dụng trên internet, mobile để thực hiện thanh toán; dữ liệu thông tin thanh toán (số tiền, mã số học sinh, sinh viên...) được ghi nhận một cách chính xác, rõ ràng và hệ thống..

Nhà trường chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán ***có mức phí thấp nhất hoặc không thu phí*** để giới thiệu đến cha mẹ học sinh, người học; thực hiện công khai bằng nhiều hình thức về mức phí sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đồng thời hướng dẫn cách thức thực hiện trên bảng hướng dẫn của nhà trường, phiếu thông báo các khoản thu hàng tháng., từ đó cha mẹ học sinh, người học có thể lựa chọn theo nhu cầu.

IV. Biện pháp thực hiện:

Về công khai các khoản thu

Các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện công khai về cam kết đầy đủ chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện cơ sở vật chất và mức thu học phí, các khoản thu khác, phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 19/07/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Tất cả các khoản thu phải được các đơn vị thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến phụ huynh, học sinh, sinh viên; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện

thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng học sinh, sinh viên, không giao cho giáo viên trực tiếp thu, chi tiền và đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Nhà trường đã dự thảo Kế hoạch lấy ý kiến Hội đồng nhà trường, Hội đồng sư phạm, Ban đại diện cha mẹ học sinh và thông qua cha mẹ học sinh để thống nhất.

- Trên cơ sở mức thu được cha mẹ học sinh thống nhất, **nhà trường sẽ căn cứ vào số học sinh theo học thực tế, tỷ lệ phần trăm (%) chi tiết theo từng nội dung chi phân phối số thu cho các đối tượng có liên quan theo đúng kế hoạch này.**

Trên đây là kế hoạch thu, chi học phí, các khoản thu sự nghiệp và thu hộ - chi hộ của Trường THCS Lý Tự Trọng năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- Phòng TC – KH (để báo cáo);
- Ban đại diện CMHS;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Mai Hương